

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 09 năm 2013

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	...	404.509.010.017	377.587.855.754
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	...	5.906.734.882	11.174.073.788
1. Tiền	111	V.01	5.906.734.882	11.174.073.788
2. Các khoản tương đương tiền	112	...		
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	10.277.200.000	10.277.200.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	...	10.277.200.000	10.277.200.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	...		
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	...	268.516.739.622	257.686.746.048
1. Phải thu khách hàng	131	...	209.531.329.394	214.751.627.209
2. Trả trước cho người bán	132	...	23.129.275.751	4.213.335.788
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	...		
4. Phải thu theo tiến độ KH hợp đồng xây dựng	134	...		
5. Các khoản phải thu khác	138	V.03	35.856.134.477	38.721.783.051
6. Dự phòng các khoản phải thu khác	139	...		
IV. Hàng tồn kho	140	...	102.274.645.746	87.269.600.193
1. Hàng tồn kho	141	V.04	102.274.645.746	87.269.600.193
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	...		
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	...	17.533.689.767	11.180.235.725
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	...	748.280.131	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	...	8.677.050.049	2.463.141.752
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.05		
4. Tài sản ngắn hạn khác	155	...	8.108.359.587	8.717.093.973
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	...	156.458.274.278	167.021.285.480
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	...		
1. Phải thu dài hạn khách hàng	211	...		
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212	...		
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06		
4. Phải thu dài hạn khác	214	V.07		
5. Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi	219	...		
II. Tài sản cố định	220	...	38.280.436.807	45.466.563.803
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	36.503.248.907	43.772.563.803
- Nguyên giá	222	...	102.196.682.024	105.045.526.486
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	...	-65.693.433.117	-61.272.962.683
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09		
- Nguyên giá	225	...		
- Giá trị hao mòn lũy kế	226	...		
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1.620.000.000	1.620.000.000
- Nguyên giá	228	...	2.120.000.000	2.120.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	...	-500.000.000	-500.000.000
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	157.187.900	74.000.000
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12		
- Nguyên giá	241	...		
- Giá trị hao mòn lũy kế	242	...		
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	...	90.287.233.035	92.481.209.088
1. Đầu tư vào công ty con	251	...	96.139.050.000	93.789.050.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	...		
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	1.150.000.000	1.150.000.000
4. Dự phòng giảm giá các khoản ĐTTC dài hạn	259	...	-7.001.816.965	-2.457.840.912
V. Tài sản dài hạn khác	260	...	27.890.604.436	29.073.512.589
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	27.890.604.436	28.073.512.589
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21		
3. Tài sản dài hạn khác	268	...		1.000.000.000
Tổng cộng tài sản	250		560.967.284.295	544.609.141.234

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300	...	435.164.120.028	414.643.802.906
I. Nợ ngắn hạn	310	...	398.389.105.969	374.292.929.375
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	163.302.735.513	192.219.400.391
2. Phải trả người bán	312	...	100.789.779.067	60.020.350.113
3. Người mua trả tiền trước	313	...	48.667.082.904	26.687.099.296
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	29.747.713.711	23.583.024.928
5. Phải trả công nhân viên	315	...	5.276.843.715	11.355.957.486
6. Chi phí phải trả	316	V.17	14.937.586.462	32.569.326.572
7. Phải trả nội bộ	317	...		
8. Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng xây dựng	318	...		
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	35.291.651.517	27.418.957.509
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	...		
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		375.713.080	438.813.080
II. Nợ dài hạn	330	...	36.775.014.059	40.350.873.531
1. Phải trả dài hạn người bán	331	...	26.669.825.361	26.669.825.361
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19		
3. Phải trả dài hạn khác	333	...		
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	3.544.628.190	7.899.395.740
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21		
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	...		
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	...	6.560.560.508	5.781.652.430
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.22	125.803.164.267	129.965.338.328
I. Vốn chủ sở hữu	410	...	125.803.164.267	129.965.338.328
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	...	70.000.000.000	70.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	...	11.927.177.227	11.927.177.227
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	...		
4. Cổ phiếu quỹ	414	...		
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	...		
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	...		
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	...	30.472.209.826	30.472.209.826
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	...	3.435.327.042	3.435.327.042
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	...		
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	...	9.968.450.172	14.130.624.233
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421	...		
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	...		
2. Nguồn kinh phí	432	V.23		
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433	...		
Tổng cộng nguồn vốn	440		560.967.284.295	544.609.141.234

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Khoản phải trả	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thuê ngoài			
Hàng hoá, nhận bán hộ, nhận ký gửi			
Nợ khó đòi đã xử lý			
Ngoại tệ các loại			158,01
Nguồn vốn khấu hao cơ bản			

Hà Nội, ngày 19 tháng 10 năm 2013

LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Phạm Thị Canh

Đàm Trung Kiên



Trần Thanh Sơn

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TỔNG HỢP

Quý III năm 2013

Phần I - Lãi Lỗ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm 2013	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.25	59.744.202.228	51.780.275.267	159.880.267.223	197.082.831.454
2. Các khoản giảm trừ (03=04+05+06+07)	2	...	92.392.667	0	104.909.288	62.705.498
+ Chiết khấu thương mại	4	...				
+ Giảm giá hàng bán	5	...	92.392.667		104.909.288	62.705.498
+ Hàng bán bị trả lại	6	...				
+ Thuế TTĐB, thuế xuất khẩu phải nộp	7	...				
3. Doanh thu thuần BH và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	...	59.651.809.561	51.780.275.267	159.775.357.935	197.020.125.956
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	51.446.060.229	45.889.164.895	130.739.216.175	160.403.833.795
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	...	8.205.749.332	5.891.110.372	29.036.141.760	36.616.292.161
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	3.074.005.655	4.559.911.339	11.960.632.554	15.305.397.125
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	5.231.052.434	3.225.212.033	23.198.079.274	26.550.201.266
Trong đó: Chi phí lãi vay	23	...	5.231.052.434	3.225.212.033	18.654.103.221	26.307.793.406
8. Chi phí bán hàng	24	...				
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	...	3.290.677.769	6.022.256.129	11.220.226.176	16.060.035.047
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	...	2.758.024.784	1.203.553.549	6.578.468.864	9.311.452.973
11. Thu nhập khác	31	...	0	7.875.605	0	69.417.818
12. Chi phí khác	32	...	1.190.573.324	107.776.869	2.710.417.414	951.385.587
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	...	-1.190.573.324	-99.901.264	-2.710.417.414	-881.967.769
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết	41	...				
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+41)	50	...	1.567.451.460	1.103.652.285	3.868.051.450	8.429.485.204
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	507.347.997	275.913.071	1.730.225.512	1.921.529.239
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51)	60	...	1.060.103.463	827.739.214	2.137.825.938	6.507.955.965
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	90	...	151	118	305	930

Hà Nội, ngày 19 tháng 10 năm 2013

LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Thị Canh

Đàm Trung Kiên

Trần Thanh Sơn



CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15, khu B, toà nhà ông Đà, đường Phạm Hùng, Từ Liêm - Hà nội

Tel: 04.3.7.832.398

Fax: 04.3.7.832.397

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(9 THÁNG NĂM 2013 THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN 30/9	
			NĂM 2013	NĂM 2012
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và thu khác	01	412.479.095.981	316.484.852.071
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	-32.187.461.520	(49.759.360.366)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03	-26.828.900.320	(41.230.349.944)
4	Tiền chi trả lãi vay	04	-18.698.339.088	(25.717.069.426)
5	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-575.485.732	0
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	48.547.636.889	92.425.441.624
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	-201.196.114.896	(187.537.790.327)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	181.540.431.314	104.665.723.632
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	0	0
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	0	7.272.721
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	0	0
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	0	0
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	0	0
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	0	0
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	84.838.969	68.901.343
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	84.838.969	76.174.064
	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	0	0
2	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	0	0
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	6.500.000.000	24.730.000.000

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN 30/9	
			NĂM 2013	NĂM 2012
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-193.392.609.189	(140.099.593.132)
5	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	0	0
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	0	0
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-186.892.609.189	-115.369.593.132
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	(5.267.338.906)	(10.627.695.436)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	11.174.073.788	11.284.015.967
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	0	0
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)		5.906.734.882	656.320.531

LẬP BIỂU

Mai Thị Na

Mai Thị Na

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Đàm Trung Kiên

Đàm Trung Kiên

Hà nội, ngày 15 tháng 10 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Thanh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, gia công và lắp đặt công trình cơ khí
3. **Hoạt động chính trong năm** : Hoạt động về kiến trúc, tư vấn về công nghệ và kỹ thuật có liên quan; Dịch vụ thiết kế kết cấu, Thiết kế các hệ thống kỹ thuật liên quan đến công trình; Chế tạo, lắp đặt các thiết bị cho các công trình xây dựng; Đúc sắt thép, kim loại màu; Xây dựng công trình kỹ thuật (công nghiệp, đường dây và trạm biến thế đến 500KV); Sản xuất, mua bán khí ôxy; Nhận ủy thác đầu tư của các tổ chức và cá nhân.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013 Công ty có 431 nhân viên đang làm việc (Số cuối năm trước là 632 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp Quý III (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh (SXKD) dở dang cuối kỳ được xác định cho từng công trình (CT), hạng mục công trình (HMCT) như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD} \\ \text{dở dang} \\ \text{cuối kỳ} \\ \text{(CT, HMCT)} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD dở dang} \\ \text{đầu kỳ (CT, HMCT)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD phát sinh} \\ \text{trong kỳ (CT, HMCT)} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Giá trị sản lượng} \\ \text{dở dang đầu kỳ} \\ \text{(CT, HMCT)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Giá trị sản lượng} \\ \text{thực hiện trong kỳ} \\ \text{(CT, HMCT)} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Giá trị} \\ \text{sản lượng dở} \\ \text{dang cuối kỳ} \\ \text{(CT,} \\ \text{HMCT)} \end{array}$$

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp Quý III (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 06
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty gồm:

Giá trị thương hiệu Sông Đà

Giá trị thương hiệu Sông Đà được xác định bằng 5% vốn điều lệ của Công ty theo Quyết định số 294TC/HĐQT ngày 25 tháng 5 năm 2004 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Sông Đà khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Giá trị thương hiệu Sông Đà được khấu hao trong thời gian 05 năm và đã khấu hao hết.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con và đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp Quý III (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

Chi phí thuê văn phòng

Chi phí thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng văn phòng.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

11. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

Chi phí bảo hành công trình xây lắp

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại công trình xây lắp có cam kết bảo hành với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành được ước tính bằng 3% trên doanh thu các công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành và có mức độ rủi ro cao.

Các hợp đồng có rủi ro lớn

Khoản dự phòng cho các hợp đồng có rủi ro lớn được ghi nhận khi các lợi ích kinh tế dự tính thu được từ hợp đồng thấp hơn chi phí bắt buộc phải trả cho các nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng.

12. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp Quý III (tiếp theo)

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu xây dựng

Doanh thu được ghi nhận khi công trình có quyết toán A-B hoặc Bản xác nhận khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành theo từng giai đoạn đối với các công trình có thời gian thi công dài và Phiếu giá thanh toán của chủ đầu tư. Các công trình đã có dự toán được phê duyệt thì giá trị hạch toán doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp Quý III (tiếp theo)

thu là giá trị quyết toán công trình (không bao gồm thuế GTGT) mà Công ty được hưởng. Đối với các công trình chưa có dự toán được phê duyệt thì doanh thu được ghi nhận bằng giá trị được chủ đầu tư chấp nhận thanh toán theo Phiếu giá.

Các khoản chênh lệch giữa giá trị quyết toán công trình được chủ đầu tư duyệt và doanh thu đã được ghi nhận trong các kỳ trước được điều chỉnh tăng hoặc giảm doanh thu trong kỳ phê duyệt quyết toán của chủ đầu tư.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

16. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp Quý III (tiếp theo)

kinh doanh được xác định theo giá hợp lý, các tài sản tài chính khác được ghi nhận theo giá mua/chỉ phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

17. **Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

18. **Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

19. **Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

20. **Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp Quý III (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	3.513.392.862	513.915.485
Tiền gửi ngân hàng	2.393.342.020	10.660.158.303
Cộng	5.906.734.882	11.174.073.788

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Thủy Điện Sông Đà Hoàng Liên	585.720	5.857.200.000	585.720	5.857.200.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc	357.000	3.570.000.000	357.000	3.570.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên - Sông Đà	85.000	850.000.000	85.000	850.000.000
Cộng		10.277.200.000		10.277.200.000

3. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu cán bộ công nhân viên	648.402.792	646.781.701
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	1.232.000.000	1.232.000.000
Phải thu các công ty con	32.839.585.139	34.265.180.258
Thuế GTGT đầu vào chưa kê khai		2.161.980.025
Các khoản phải thu khác	1.136.146.546	415.841.067
Cộng	35.856.134.477	38.721.783.051

4. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	4.665.467.943	2.391.371.522
Công cụ, dụng cụ	659.679.473	612.667.018
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	96.949.498.330	84.265.561.653
Cộng	102.274.645.746	87.269.600.193

5. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	7.862.133.587	6.051.839.123
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	246.226.000	2.665.254.850
Cộng	8.108.359.587	8.717.093.973

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp Quý III (tiếp theo)

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	14.704.445.436	65.745.508.317	21.380.820.960	3.214.751.773	105.045.526.486
Tăng do mua sắm mới		136.000.000			136.000.000
Giảm do phân loại sang CCDC		-810.338.255		-766.232.160	-1.576.570.415
Số cuối kỳ	14.704.445.436	65.071.170.062	21.380.820.960	2.448.519.613	103.604.956.071
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.959.985.000	12.917.270.102	4.242.646.151	476.653.960	19.596.555.213
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	3.727.262.168	38.260.213.121	18.040.907.877	1.244.579.517	61.272.962.683
Khấu hao trong năm	1.062.038.367	4.509.140.956	1.084.762.777	477.341.457	7.133.283.557
Giảm do phân loại sang CCDC		-753.144.429		-551.394.647	-1.304.539.076
Số cuối kỳ	4.789.300.535	42.016.209.648	19.125.670.654	1.170.526.327	67.101.707.164
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	10.977.183.268	27.485.295.196	3.339.913.083	1.970.172.256	43.772.563.803
Số cuối kỳ	9.915.144.901	23.054.960.414	2.255.150.306	1.277.993.286	36.503.248.907

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 29.067.302.550 VND và 7.675.897.809 VND đã được thể chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoà Bình.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp Quý III(tiếp theo)

7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Thương hiệu Sông Đà	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.620.000.000	500.000.000	2.120.000.000
Tăng trong kỳ			
Giảm trong kỳ			
Số cuối kỳ	<u>1.620.000.000</u>	<u>500.000.000</u>	<u>2.120.000.000</u>
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		500.000.000	500.000.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm		500.000.000	500.000.000
Khấu hao trong kỳ			
Số cuối kỳ		<u>500.000.000</u>	<u>500.000.000</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	1.620.000.000		1.620.000.000
Số cuối kỳ	<u>1.620.000.000</u>		<u>1.620.000.000</u>

8. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 ⁽ⁱ⁾	3.975.246	39.211.800.000	3.786.180	37.861.800.000
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang ⁽ⁱⁱ⁾	4.033.167	39.277.250.000	3.827.725	38.277.250.000
Công ty Cổ phần Someco Hoà Bình ⁽ⁱⁱⁱ⁾	765.000	7.650.000.000	765.000	7.650.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn Thiết kế Someco ^(iv)		5.000.000.000		5.000.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Kỹ thuật Công nghệ Someco ^(v)		5.000.000.000		5.000.000.000
Cộng		<u>96.139.050.000</u>		<u>93.789.050.000</u>

(i) Đầu tư dài hạn khác

Là khoản nhận ủy thác đầu tư vốn vào Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên - Sông Đà.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn	Kết chuyển vào			
	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	chi phí SXKD trong kỳ	Số cuối kỳ
Tiền thuê đất Xưởng cơ khí Đà Nẵng	8.350.028.275		116.512.023	8.233.516.252
Thuê văn phòng tại tòa nhà HH4	19.723.484.314		313.071.174	19.410.413.140
Công cụ dụng cụ		246.675.044		246.675.044
Cộng	28.073.512.589	246.675.044	429.583.197	27.890.604.436

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp Quý III (tiếp theo)

10. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	121.757.125.942	146.889.286.922
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoà Bình	121.757.125.942	129.989.820.040
- Ngân hàng TMCP An Bình		3.121.231.267
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội		13.778.235.615
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	41.314.984.571	40.290.648.609
- Tổng Công ty Sông Đà	29.314.984.571	22.814.984.571
- Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	12.000.000.000	17.475.664.038
Vay dài hạn đến hạn trả	230.625.000	5.039.464.860
Cộng	163.302.735.513	192.219.400.391

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	14.337.667.481	6.170.541.882	1.281.924.905	19.226.284.458
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.351.088.941	1.730.225.512	575.485.732	8.505.828.721
Thuế thu nhập cá nhân	1.894.268.506	191.470.526	70.138.499	2.015.600.533
Các loại thuế khác		5.000.000	5.000.000	
Cộng	23.583.024.928	8.097.237.920	1.932.549.136	29.747.713.711

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Hoạt động xây lắp, kinh doanh điện nước và dịch vụ khác	10%
Bán vật tư, thiết bị	5% - 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.868.051.450	8.429.485.204
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		(743.368.246)
- Các khoản điều chỉnh tăng (các khoản chi phí không được trừ)	-483.069.616	
- Các khoản điều chỉnh giảm (cổ tức, lợi nhuận được chia)	664.430.384	742.134.254
	-1.147.500.000	(1.485.502.500)
Thu nhập chịu thuế	3.384.981.834	7.685.116.958
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	846.244.859	1.921.529.239

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp Quý III (tiếp theo)

		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
<i>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</i>		846.244.859	
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>		883.980.653	
Tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp		1.730.225.512	1.921.529.239
<i>Các loại thuế khác</i>			
Công ty kê khai và nộp theo qui định.			
12. Chi phí phải trả		Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lãi tiền vay		271.066.708	2.106.878.828
Chi phí công trình		10.627.720.839	26.585.876.199
Chi phí khác		4.038.798.915	3.876.571.545
Cộng		14.937.586.462	32.569.326.572
13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn		2.684.643.093	2.576.760.779
BHXH, BHYT, BHTN		9.284.572.467	7.186.443.528
Cổ tức phải trả		16.817.450.460	10.517.450.460
Tổng Công ty Sông Đà		2.383.354.456	3.009.875.233
Quỹ tự nguyện		14.684.499	104.684.499
1% kinh phí công đoàn để lại cơ sở		118.928.311	427.338.003
Thuế thu nhập cá nhân phải nộp tại Lào			300.000.000
Tiền phạt thuế		2.061.063.372	1.396.632.988
Nhận ủy thác đầu tư		1.150.000.000	1.150.000.000
Các khoản phải trả khác		1.341.437.816	749.772.019
Cộng		35.856.134.474	27.418.957.509
14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	Năm trước
Số đầu năm		438.813.080	-392.141.954
Tăng do trích lập từ lợi nhuận			
Chi quỹ trong năm		(63.100.000)	10.200.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp Quý III (tiếp theo)

		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		
		Năm nay	Năm trước	
Số cuối kỳ		375.713.080	-402.341.954	
15. Vay và nợ dài hạn				
	Số cuối kỳ	Số đầu năm		
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoà Bình ⁽ⁱ⁾	2.391.503.190	6.746.270.740		
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội ⁽ⁱⁱ⁾	1.153.125.000	1.153.125.000		
Cộng	3.544.628.190	7.899.395.740		
(i) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoà Bình để đầu tư thiết bị phục vụ thi công lắp đặt thiết bị nhà máy thủy điện Tuyên Quang và Nhà máy xi măng Hạ Long với lãi suất thả nổi, được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND 12 tháng trả lãi sau cộng thêm 3%/năm, điều chỉnh theo định kỳ 6 tháng, thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.				
(ii) Khoản vay TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội để thanh toán tiền mua xe cầu bánh lốp với lãi suất thả nổi, được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND 12 tháng trả lãi sau cộng thêm 5%/năm, điều chỉnh theo định kỳ 6 tháng, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng giá trị quyền sở hữu và thụ hưởng bảo hiểm toàn bộ 01 xe cần trục bánh lốp.				
16. Dự phòng phải trả dài hạn				
	Số cuối kỳ	Số đầu năm		
Chi phí bảo hành công trình xây lắp	4.335.371.553	3.556.463.475		
Hợp đồng có rủi ro lớn	2.225.188.955	2.225.188.955		
Cộng	6.560.560.508	5.781.652.430		
giảm giá công trình.				
17. Vốn chủ sở hữu				
	Số đầu năm	Lợi nhuận trong kỳ này	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	70.000.000.000			70.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	11.927.177.227			11.927.177.227
Quỹ đầu tư phát triển	30.472.209.826			30.472.209.826
Quỹ dự phòng tài chính	3.435.327.042			3.435.327.042
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	14.130.624.233	2.137.825.938	6.300.000.000	9.968.450.172
Cộng	129.965.338.328	2.137.825.938	6300.000.000	125.803.164.267
Cổ phiếu				
		Số cuối kỳ	Số đầu năm	
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành		7.000.000	7.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp Quý III (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	7.000.000	7.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại		
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	7.000.000	7.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp Quý III (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	159.880.267.223	197.082.831.454
- Doanh thu hoạt động xây dựng	156.706.656.446	194.023.188.466
- Doanh thu bán hàng hóa và khác	3.173.610.777	3.059.642.988
Các khoản giảm trừ doanh thu:	104.909.228	62.705.498
- Giảm giá hàng bán	104.909.228	62.705.498
Doanh thu thuần	159.775.357.935	197.020.125.956
Trong đó:		
- Doanh thu thuần hoạt động xây dựng	156.601.747.158	193.960.482.968
- Doanh thu thuần bán hàng hóa và khác	3.173.610.777	3.059.642.988

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	130.048.388.229	159.812.269.978
Giá vốn của hàng hóa đã bán	690.827.946	591.563.817
Giá vốn của hoạt động khác		
Cộng	130.739.216.175	160.403.833.795

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	84.838.969	68.896.243
Lãi tiền gửi không kỳ hạn		
Lãi cho vay vốn	10.728.293.585	13.750.998.382
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.147.500.000	1.485.502.500
Cộng	11.960.632.554	15.305.397.125

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	18.654.103.221	26.307.793.406
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác		6.167.940.000
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	4.543.976.053	-5.925.532.140
Cộng	23.198.079.274	26.550.201.266

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp Quý III (tiếp theo)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	6.614.225.263	8.277.663.913
Chi phí vật liệu quản lý	494.088.375	596.816.552
Chi phí đồ dùng văn phòng	50.598.741	239.478.709
Chi phí khấu hao TSCĐ	847.772.601	492.087.457
Thuế, phí và lệ phí	20.000.000	174.486.536
Chi phí dự phòng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.257.911.111	2.572.852.328
Chi phí bằng tiền khác	935.630.085	3.706.649.552
Cộng	11.220.226.176	16.060.035.047

6. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Phạt chậm nộp thuế	1.604.675.447	204.132.833
Phạt chậm nộp bảo hiểm	1.105.741.967	742.134.254
Chi phí khác		5.118.500
Cộng	2.710.417.414	951.385.587

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không phản ánh chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi trên cổ phiếu” đối với trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Xây lắp: Gia công, lắp đặt công trình cơ khí.
- Lĩnh vực khác: Nhượng bán vật tư, máy móc thiết bị phục vụ ngành gia công cơ khí cho các Chi nhánh và Công ty con, thu phụ phí của các Công ty con ...

3. Thông tin so sánh

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp Quý III (tiếp theo)

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ được lấy theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C). Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp giữa niên độ được lấy theo Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C).

Người lập biểu

Phạm Thị Canh

Kế toán trưởng

Đàm Trung Kiên

Lập, ngày 15 tháng 10 năm 2013

Tổng Giám đốc



Trần Thanh Sơn